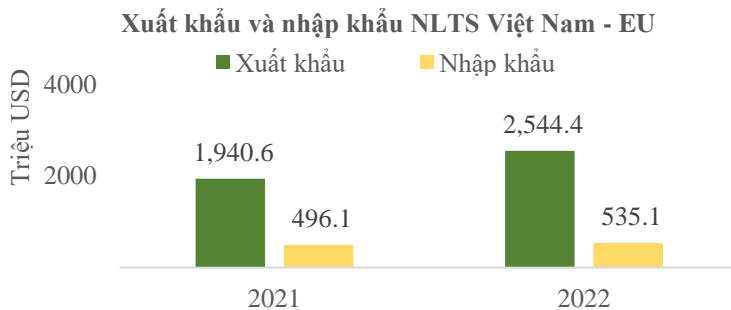


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường Liên minh Châu Âu - EU



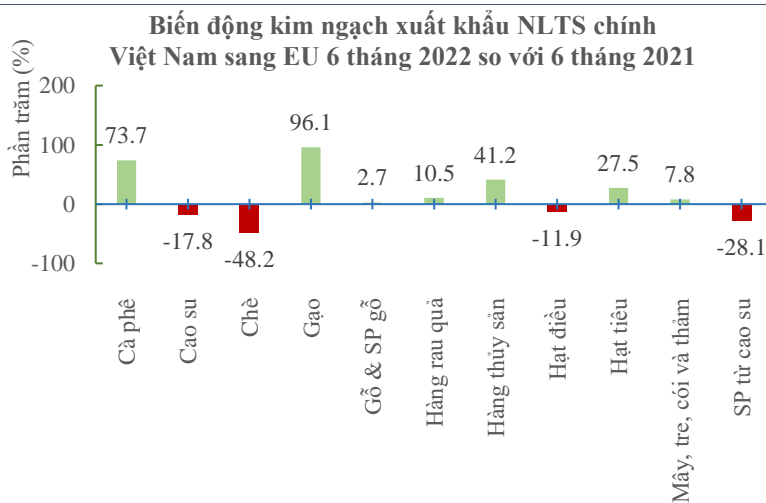
TÌNH HÌNH CHUNG



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – EU

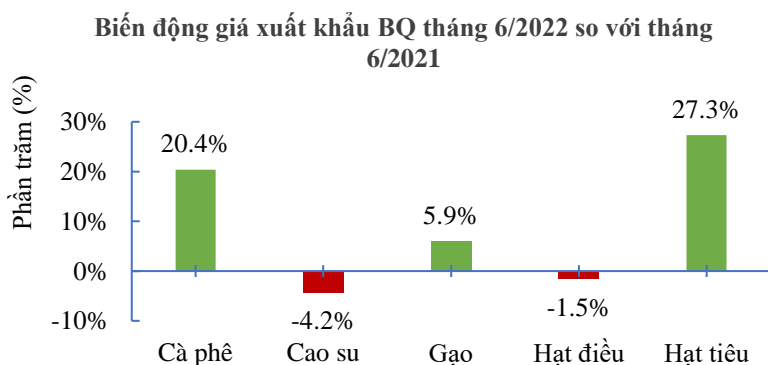
(6 tháng 2021 và 6 tháng 2022)

Xuất khẩu ▲ 31,1%
Nhập khẩu ▲ 7,9%



So sánh 6 tháng năm 2022 với 6 tháng năm 2021

Cà phê ▲ 73,7%
Cao su ▼ 17,8%
Chè ▼ 48,2%
Gạo ▲ 96,1%
Gỗ và SP Gỗ ▲ 2,7%
Rau quả ▲ 10,5%
Thủy sản ▲ 41,2%
Hạt điều ▼ 11,9%
Hạt tiêu ▲ 27,5%
Mây tre đan ▲ 7,8%
SP từ cao su ▼ 28,1%



So sánh giá xuất khẩu tháng 6/2022 với tháng 6/2021

Cà phê ▲ 20,4%
Cao su ▼ 4,2%
Gạo ▲ 5,9%
Hạt điều ▼ 1,5%
Hạt tiêu ▲ 27,3%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat) vừa công bố lạm phát tháng 7 của khu vực đồng euro lập kỷ lục mới với 8,9%. Lạm phát của eurozone gần đây liên tục lập đỉnh do tác động từ xung đột Nga - Ukraine và các nền kinh tế mở cửa trở lại sau đợt phong tỏa vì Covid-19. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của eurozone tháng 6 tăng 8,6% và tháng 5 tăng 8,1%. Tại Đức, lạm phát là 7,5% trong tháng 7, cao hơn nhiều so với mục tiêu 2% của Ngân hàng Trung ương châu Âu. Còn ở Tây Ban Nha, lạm phát lên cao nhất 38 năm, với 10,8%. Để đối phó lạm phát, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) thông báo nâng lãi suất thêm 50 điểm cơ bản (0,5%) lần đầu tiên kể từ năm 2011. Sau khi nâng 0,5%, lãi suất tham chiếu tại Liên minh châu Âu (EU) đã quay về 0%. Lãi suất tại khu vực này đã được duy trì ở mức âm từ năm 2014. Động thái này sẽ có hiệu lực từ ngày 27/7. ECB trước đó cho biết sẽ chỉ nâng lãi thêm rất ít, nhưng sau đó đã quyết định mạnh tay hơn do đánh giá lại rủi ro lạm phát. ECB cũng thông báo công cụ mới nhằm giới hạn chi phí đi vay tại các quốc gia nặng nợ của Eurozone, như Italy hay Hy Lạp. Động thái này nhằm giải quyết tình trạng chênh lệch lợi suất trái phiếu chính phủ các nước thành viên, đảm bảo tính thống nhất về tài chính trong khu vực.

Eurostat cũng công bố GDP quý II của khu vực đồng euro. Theo đó, nền kinh tế các nước eurozone tăng 0,7%, cao hơn nhiều so với dự báo chỉ 0,2% của giới phân tích. Trong quý I, mức tăng là 0,5% mặc dù bối cảnh giá năng lượng và thực phẩm tại châu Âu tăng vọt. Theo báo cáo của các quốc gia thành viên, du lịch hồi phục đã thúc đẩy kinh tế Pháp và Tây Ban Nha. Tuy nhiên, Đức có xu hướng chững lại xuất khẩu. Nhìn chung, Covid-19, sự gián đoạn chuỗi cung ứng và chiến sự tại Ukraine đã phản ánh lên diễn biến kinh tế trong ngắn hạn.

Theo số liệu tổng hợp từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat) được công bố vào tháng 7/2022, chỉ số phụ nhóm giao thông vận tải trong rổ hàng hóa, dịch vụ tính CPI ở EU trong tháng 6/2022 tiếp tục tăng và đạt 127,8, như vậy đây là tháng có chỉ số cao nhất trong 6 tháng đầu năm nay. Hoạt động logistics hàng không tại châu Âu tiếp tục bị ảnh hưởng do không phận Nga bị đóng cửa và các biện pháp phong tỏa, phòng chống dịch ở Thượng Hải dẫn đến việc lập tức đổi lịch và chuyển hướng nhiều tuyến bay. Xung đột địa chính trị làm trầm trọng hơn những khó khăn

trong vận tải biển tuyến Á-Âu. Chi phí vận chuyển hàng hóa bằng đường biển từ Trung Quốc đến Châu Âu đã tăng hơn sáu lần trong một năm vì dịch bệnh, trước khi điều chỉnh giảm nhẹ vào tháng 7/2022. Hội đồng Châu Âu đã quyết định vào ngày 26 tháng 7 năm 2022 gia hạn các lệnh trừng phạt kinh tế hiện có đối với Nga thêm 6 tháng cho đến ngày 31 tháng 01 năm 2023. Việc gia hạn 6 tháng này có thể kéo dài hơn nữa nếu tình hình không được cải thiện và điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động logistics thương mại hàng hóa nói chung và nông sản nói riêng.

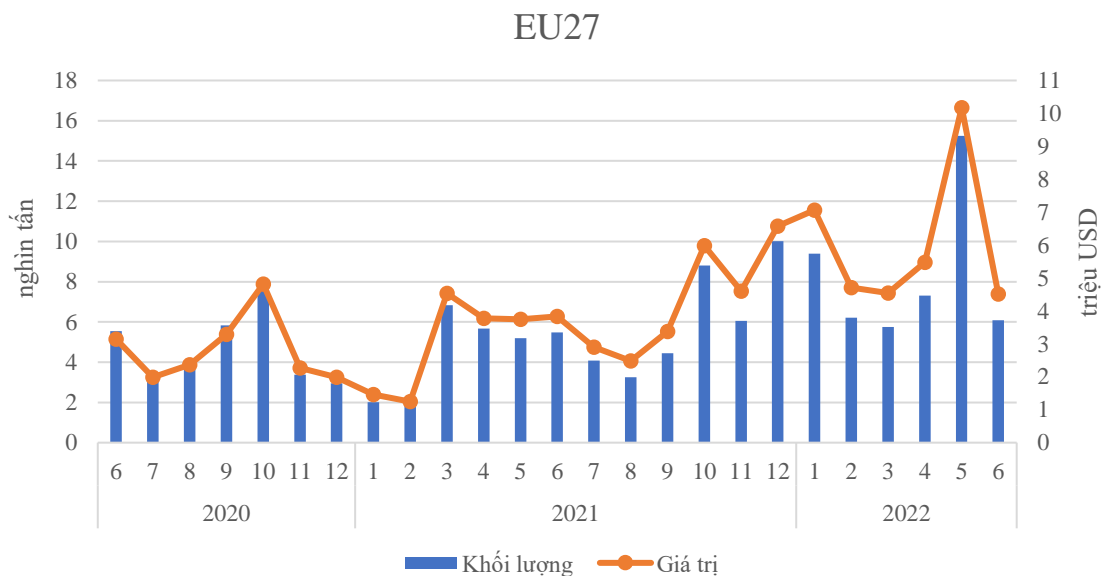
Về thương mại NLTS của EU với Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2022, Việt Nam đã xuất 2,5 tỷ USD sang EU, trong khi nhập khẩu 535,1 triệu USD, tăng 31,1% về xuất khẩu và 7,9% về nhập khẩu so với cùng kỳ năm 2021. Tốc độ tăng trưởng của các mặt hàng nông sản chính xuất khẩu sang EU so với năm 2021 cụ thể như sau: cà phê (tăng 73,7%), cao su (giảm 17,8%), chè (giảm 48,2%), gạo (tăng 96,1%), gỗ & sản phẩm gỗ (tăng 2,7%), hàng rau quả (tăng 10,5%), hàng thủy sản (tăng 41,2%), hạt điều (giảm 11,9%), hạt tiêu (tăng 27,5%), mây, tre, cói và thảm (tăng 7,8%), và sản phẩm từ cao su (giảm 28,1%).

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2022, Việt Nam xuất khẩu được 6,1 nghìn tấn gạo, trị giá 4,5 triệu USD sang thị trường EU, giảm 60,1% về khối lượng và 55,7% về giá trị so với tháng trước; tăng 11,1% về khối lượng và 17,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 6 tháng đầu năm 2022 đạt 50,0 nghìn tấn, trị giá 36,5 triệu USD, tăng 84,5% về khối lượng và 96,1% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường EU

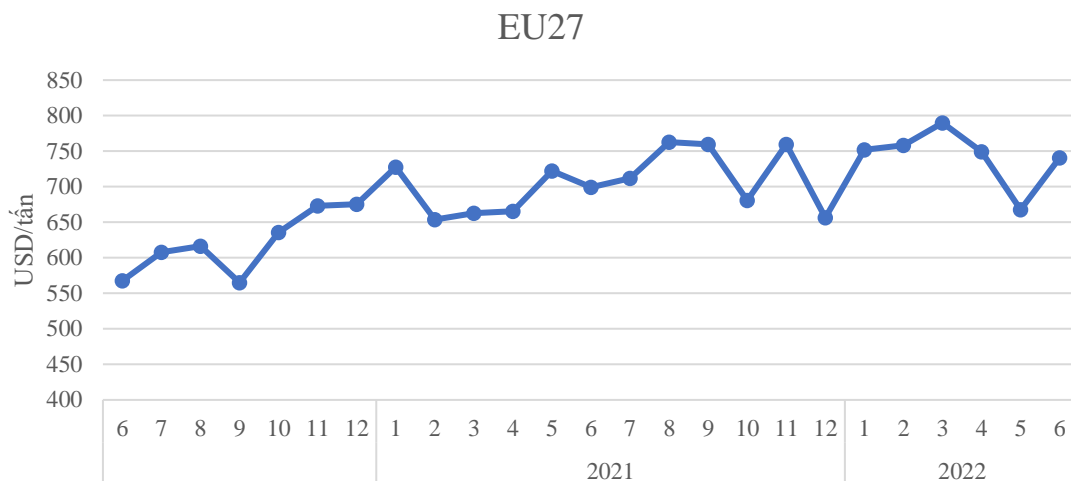


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU đạt 3,9 nghìn tấn, trị giá 2,7 triệu USD (chiếm 63,4% về khối lượng và 59,0% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang EU đã tăng 1,7% về khối lượng và 2,6% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường EU tháng 6/2022 đạt 740,8 USD/tấn, tăng 10,9% so với tháng trước và 5,9% so với cùng kỳ năm 2021.

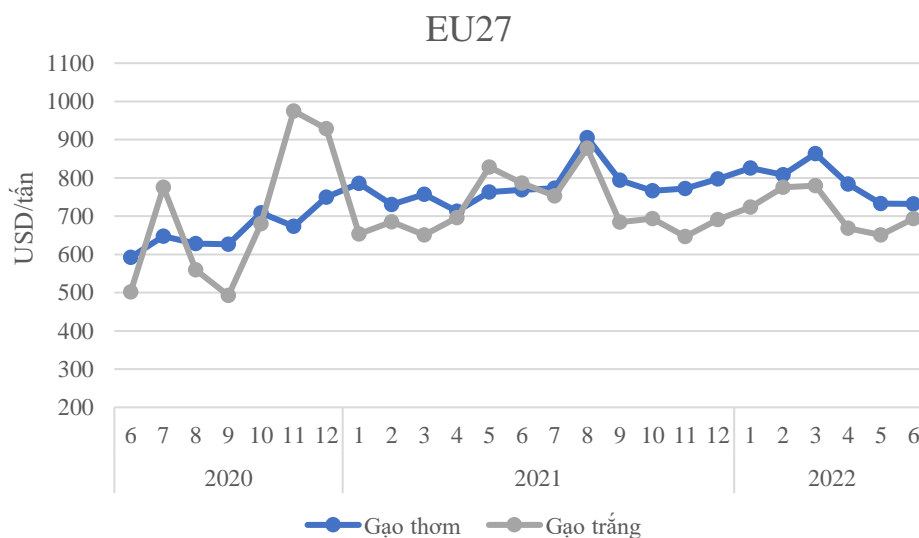
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá gạo thơm tháng 6/2022 đạt trung bình 731,9 USD/tấn, giảm 0,1% so với tháng trước và 4,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, giá gạo trắng đạt 693,4 USD/tấn, tăng 6,5% so với tháng trước nhưng giảm 11,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường EU



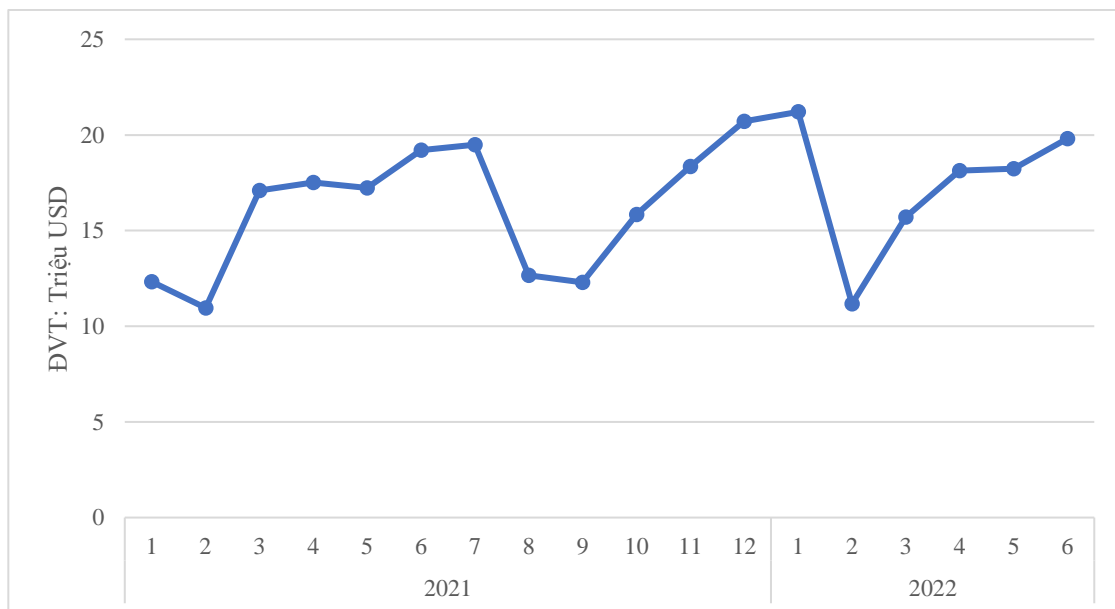
Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

Trong năm 2021/22, sản lượng cam của EU dự kiến ở mức 6,1 triệu tấn, thấp hơn vụ mùa trước. Nguyên nhân là do sản lượng giảm ở Tây Ban Nha và Ý – hai quốc gia chiếm gần 80% tổng sản lượng cam của EU.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU tháng 6 năm 2022 đạt 19,8 triệu USD, chiếm 7,6% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 8,6% so với tháng trước và tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 104,3 triệu USD, chiếm 6,2% thị phần, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường EU



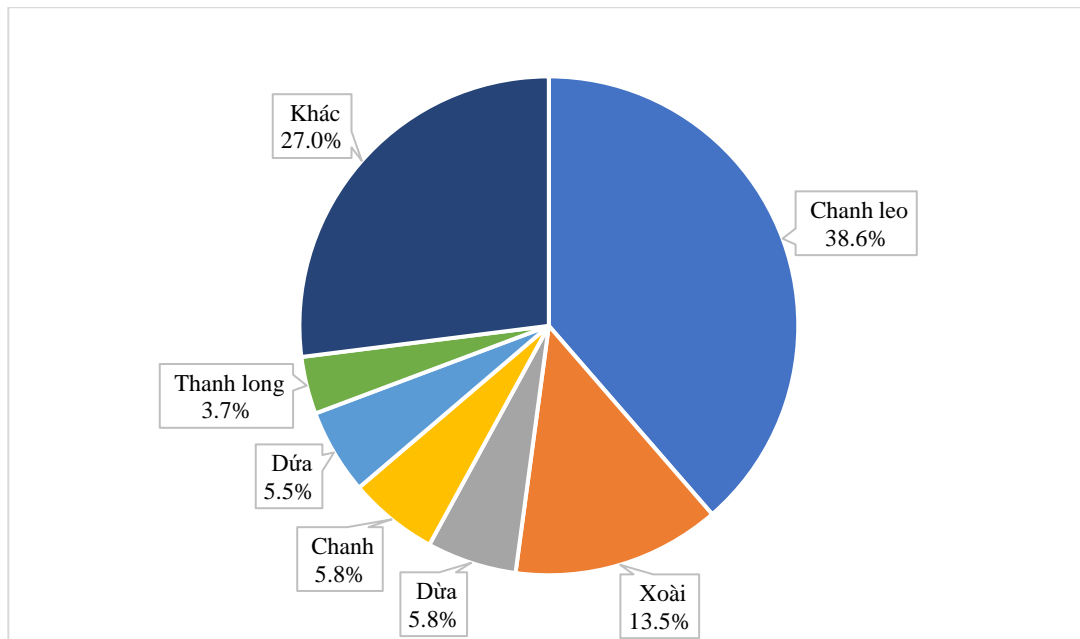
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU trong tháng 6 năm 2022 chủ yếu là trái cây (đạt 17,0 triệu USD, chiếm 86,0% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang EU), trong đó các loại trái cây chế biến chiếm 46,3% (so cùng kỳ 2021 là 33,7%), trái cây chưa qua chế biến (tươi, khô, đông lạnh, v.v.) chiếm 39,7% (cùng kỳ 2021 là 50,1%). Mặt hàng rau đạt 2,8 triệu USD (chiếm 14,0%), trong đó chủ yếu là rau chưa qua chế biến (rau tươi, khô hoặc đông lạnh) với 9,3% (năm 2021 là 12,7%), rau chế biến chiếm 4,7% (năm 2021 là 3,5%).

Các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất sang EU trong tháng 6/2022 bao gồm: chanh leo đạt 7,7 triệu USD (chiếm 38,6% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 83,6% so với cùng kỳ năm 2021; xoài đạt 2,7 triệu USD (chiếm 13,5%), tăng

11,9%; dứa đạt 1,2 triệu USD (chiếm 5,8%), giảm 23,2%; chanh đạt 1,2 triệu USD (chiếm 5,8%), giảm 23,4%; dứa đạt 1,1 triệu USD (chiếm 5,5%), tăng 3,2%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang EU trong tháng 6/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2022, rau quả chế biến đạt 10,1 triệu USD (chiếm 51,0% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 41,1% so với cùng kỳ 2021. Tỷ trọng các loại sản phẩm chế biến lần lượt là: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) chiếm 36,5% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm chế biến, tăng 62,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) chiếm 1,9%, giảm 2,8%; v.v.

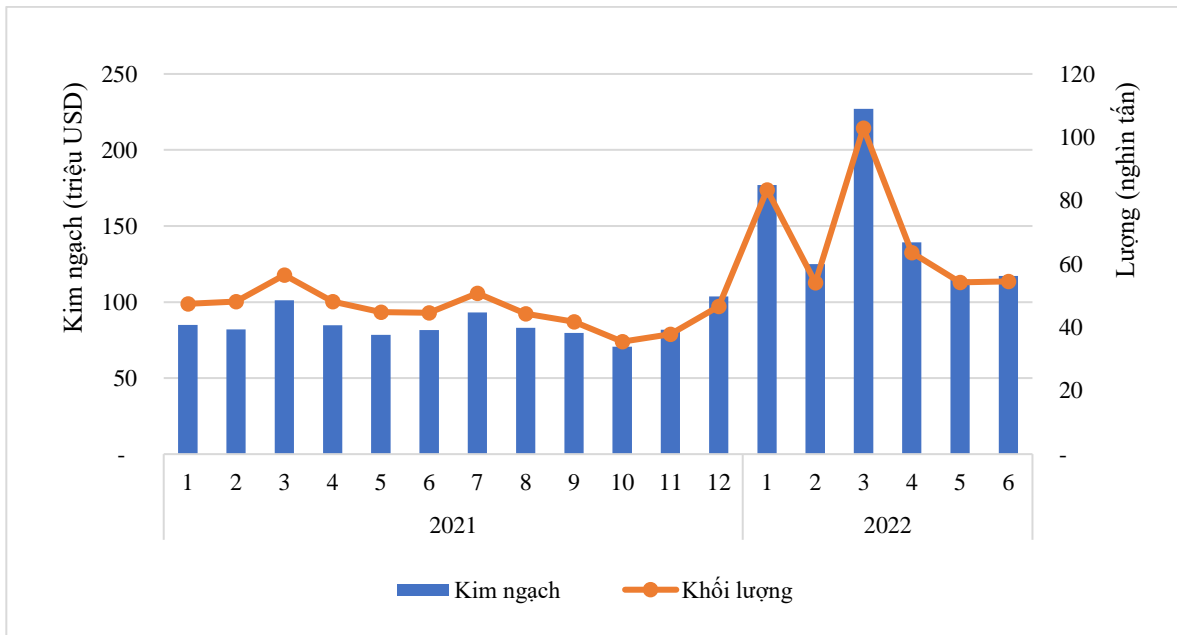
Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường EU tháng 6 năm 2022 đạt 3,3 triệu USD, chiếm 2,0% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 45,0% so với cùng kỳ năm 2021. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 20,3 triệu USD, chiếm 2,3% thị phần, tăng 17,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 6/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: táo đạt 1,24 triệu USD (chiếm 37,7% thị phần), tăng 195,2% so với cùng kỳ năm 2021; khoai tây đạt 1,23 triệu USD (chiếm 37,4%), tăng 33,2%; v.v.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường EU tháng 06/2022 ước đạt 54,5 nghìn tấn với trị giá 117,2 triệu USD, tăng 0,6% về lượng và 2,1% về giá trị so

với tháng trước, và tăng 22,1% về lượng và 43,6% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

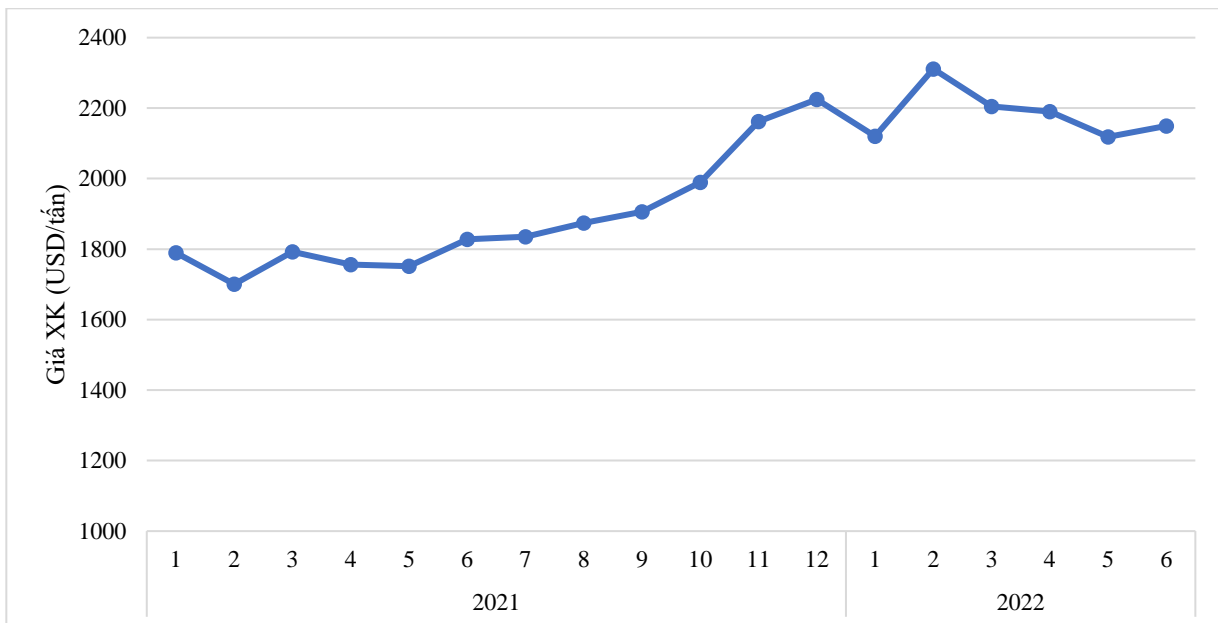
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 06/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU đạt 2.149 USD/tấn, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 17,6% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU

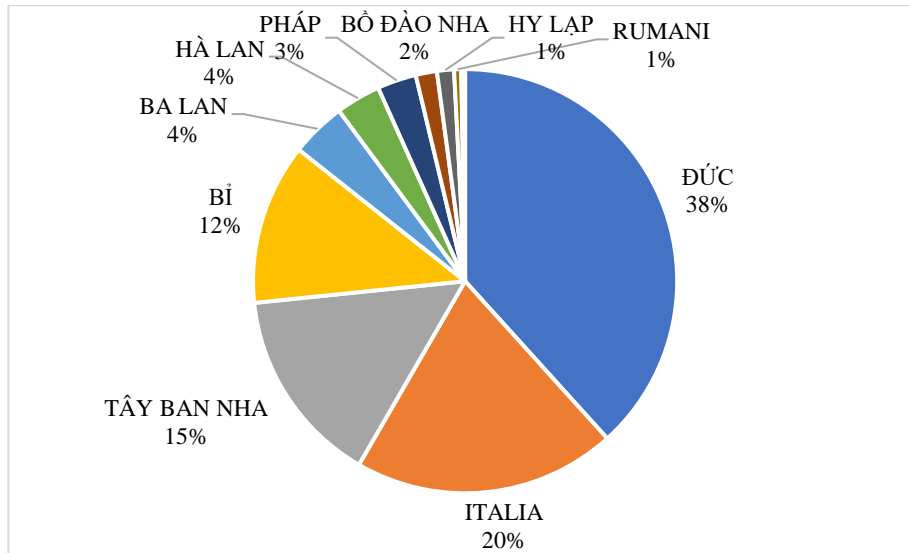


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2022, Đức là quốc gia nhập khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam với 44,9 triệu USD, chiếm 38,3% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt

Nam sang thị trường EU. Italia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 23,5 triệu USD, chiếm 20,0%. Tiếp theo là Tây Ban Nha, Bỉ và Ba Lan chiếm lần lượt 15,0%, 12,3% và 4,2% trong tổng kim ngạch cà phê xuất khẩu sang thị trường EU.

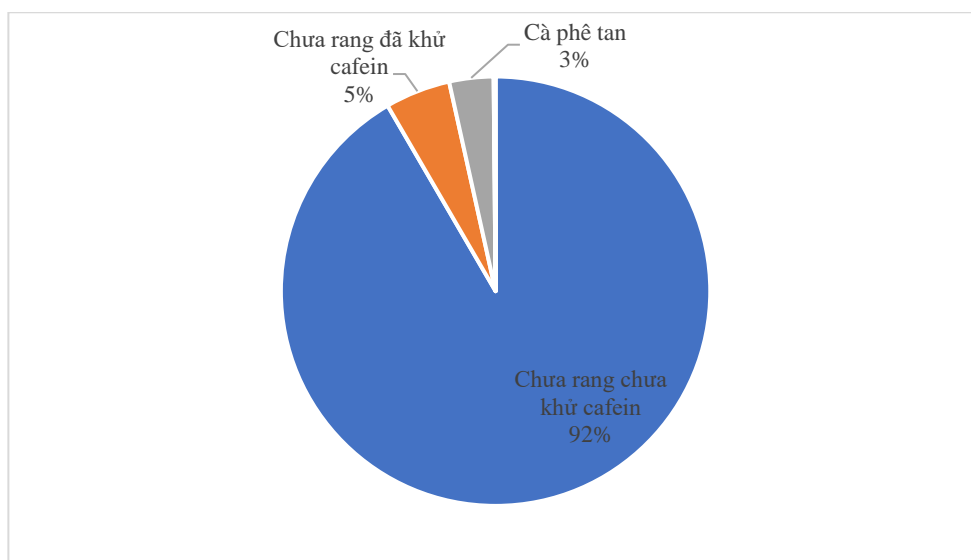
Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê Việt Nam sang các nước EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 111,0 triệu USD, chiếm 91,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê chưa rang đã khử cafein với kim ngạch 6,0 triệu USD, chiếm 4,9% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê tan chiếm 3,3% tổng giá trị xuất khẩu sang EU.

Hình 9: Chứng loại cà phê xuất khẩu sang EU theo kim ngạch tháng 6/2022

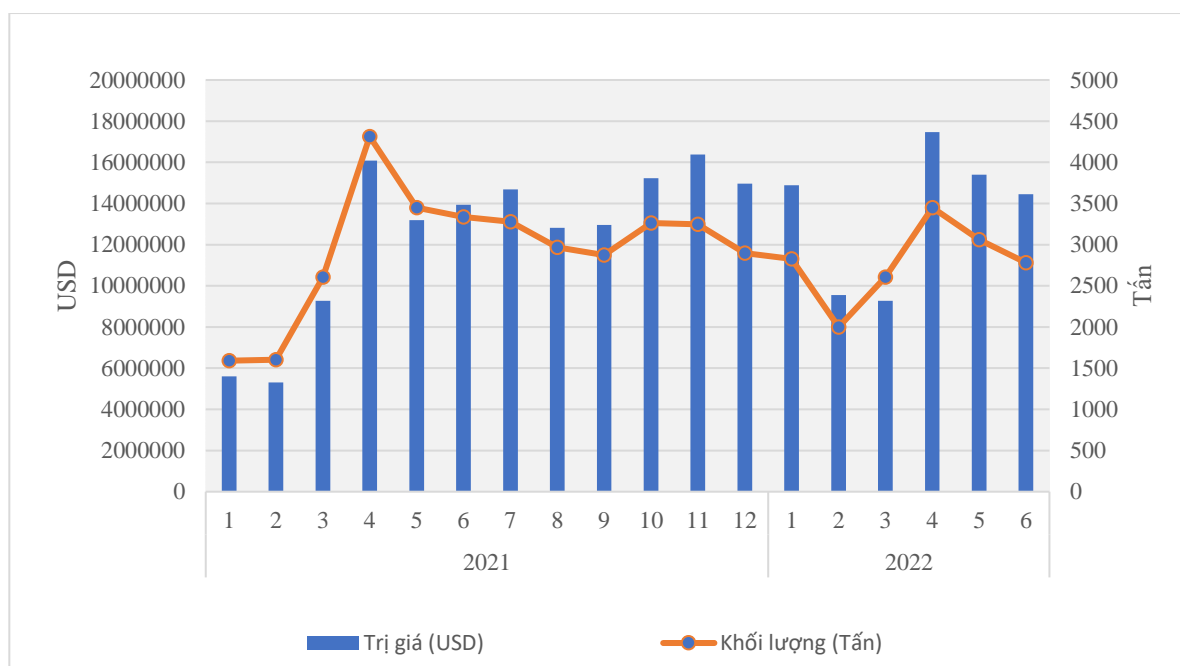


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang EU giảm nhẹ trong tháng 6/2022. Trong tháng này, sản lượng xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam sang thị trường này đạt 2.782 tấn hồ tiêu với trị giá 14,4 triệu USD, giảm 9,11% về khối lượng và 6,19% về giá trị so với tháng trước, và giảm 16,59% về khối lượng nhưng tăng 3,63% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

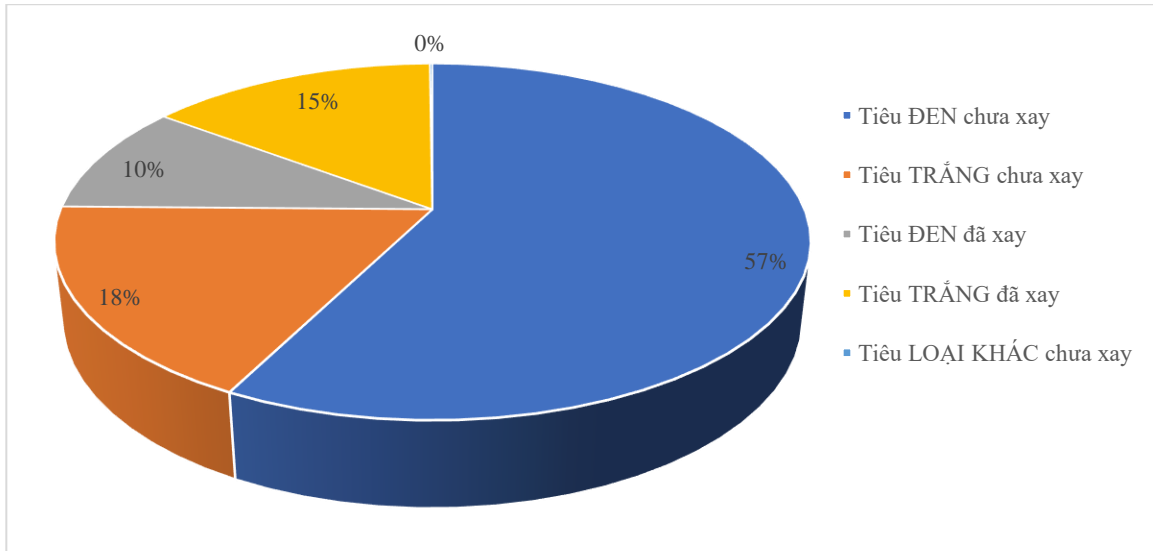
Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 57% tổng giá trị xuất khẩu tiêu vào EU, tăng 8,7% so với tháng trước nhưng giảm 10,2% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng chưa xay, chiếm 18% tổng giá trị xuất khẩu vào thị trường này, giảm 33,14% so với tháng trước và 31,22% so với cùng kỳ năm trước.

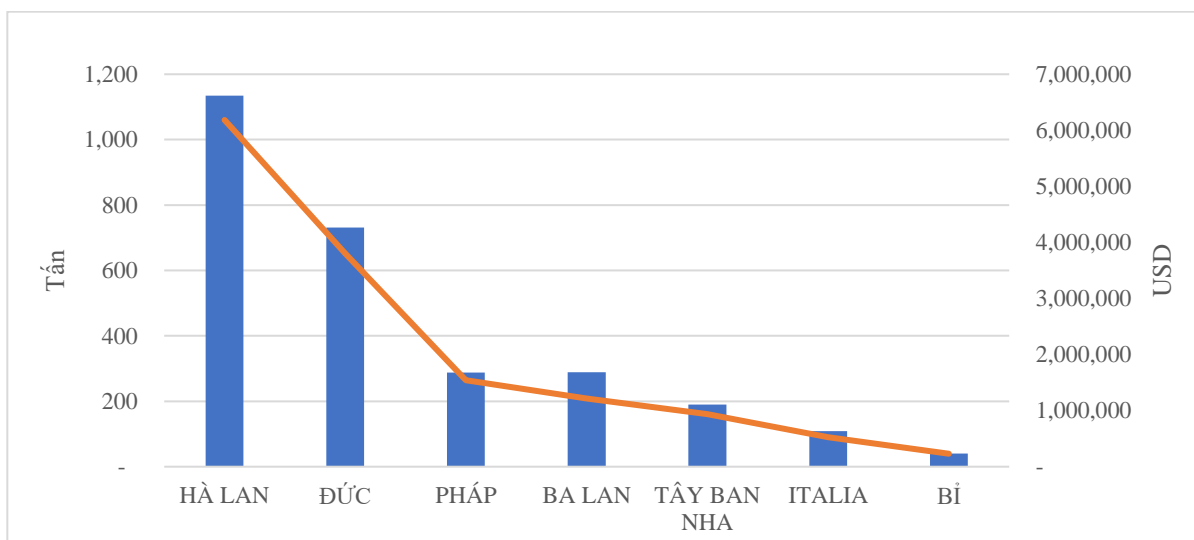
Hình 11: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường EU tháng 6/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hà Lan là quốc gia dẫn đầu trong khối EU về khối lượng và kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu từ Việt Nam trong tháng 6/2022 với 1.135 tấn, đạt trị giá 6,18 triệu USD (chiếm 42,8% tổng kim ngạch xuất khẩu tiêu của Việt Nam vào EU). Xếp thứ hai là Đức với khối lượng xuất khẩu đạt 731 tấn, tương đương với 3,5 triệu USD, chiếm 26,3% về giá trị. Xếp cuối cùng là Bỉ với khối lượng xuất khẩu chỉ đạt 40 tấn, trị giá 231 nghìn USD.

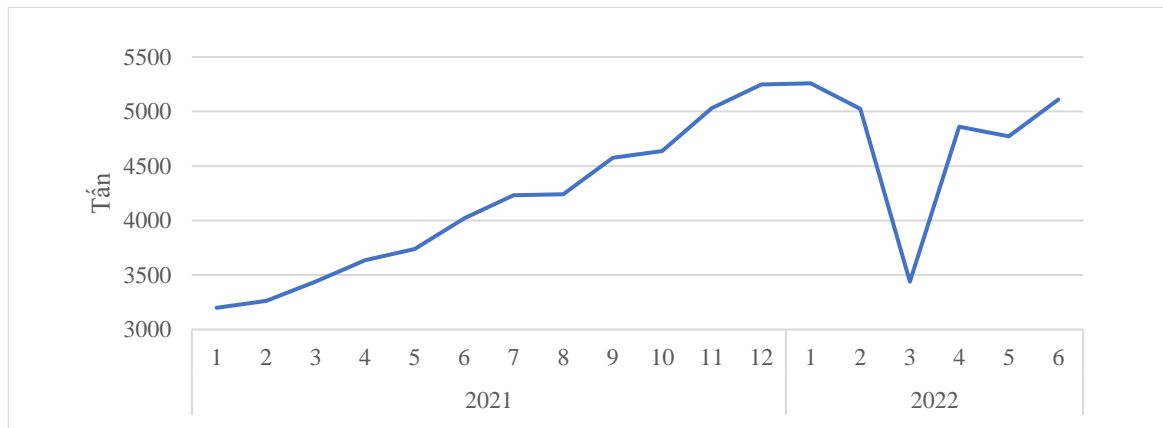
Hình 12: Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam tới các nước trong khối EU tháng 6/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đơn giá xuất khẩu hồ tiêu vào EU đang có xu hướng tăng mạnh trở lại, giá xuất khẩu trung bình tháng 6/2022 đạt mức 5.111 USD/tấn, tăng 7,1% so với tháng trước và 27,2% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 13: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU

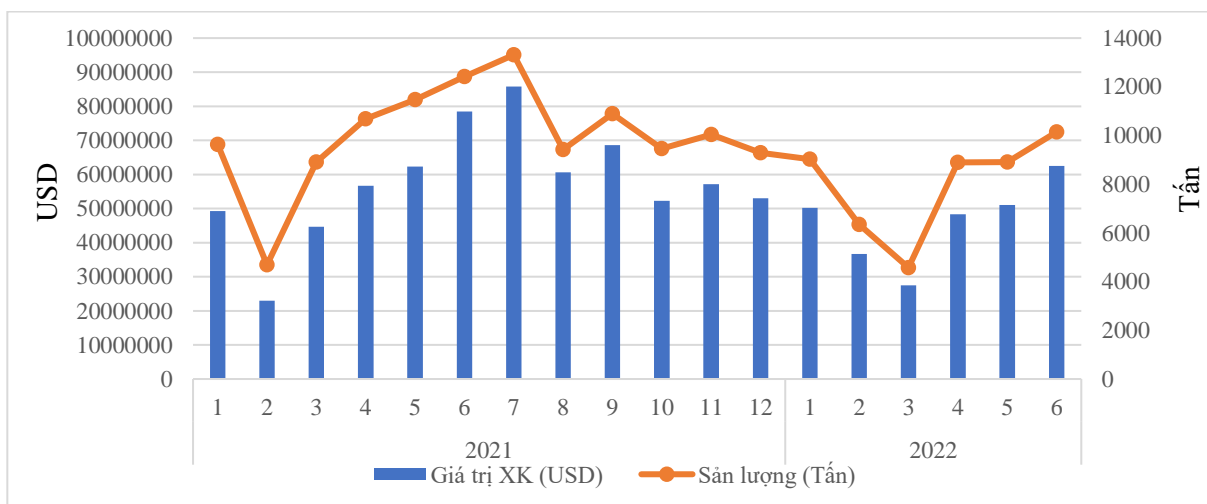


Nguồn: Tổng cục Hải quan

5. HẠT ĐIỀU

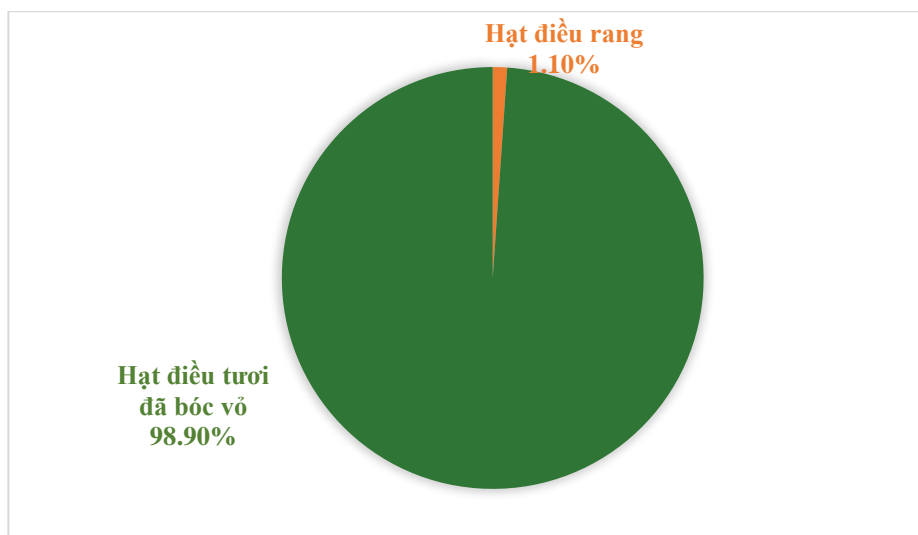
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2022, Việt Nam xuất khẩu được 10,1 nghìn tấn điều, trị giá 62,4 triệu USD sang thị trường EU, tăng 22,5% về giá trị và 14% về khối lượng so với tháng trước; nhưng giảm 20,3% về giá trị và 18,3% về khối lượng so với tháng trước.

Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường EU



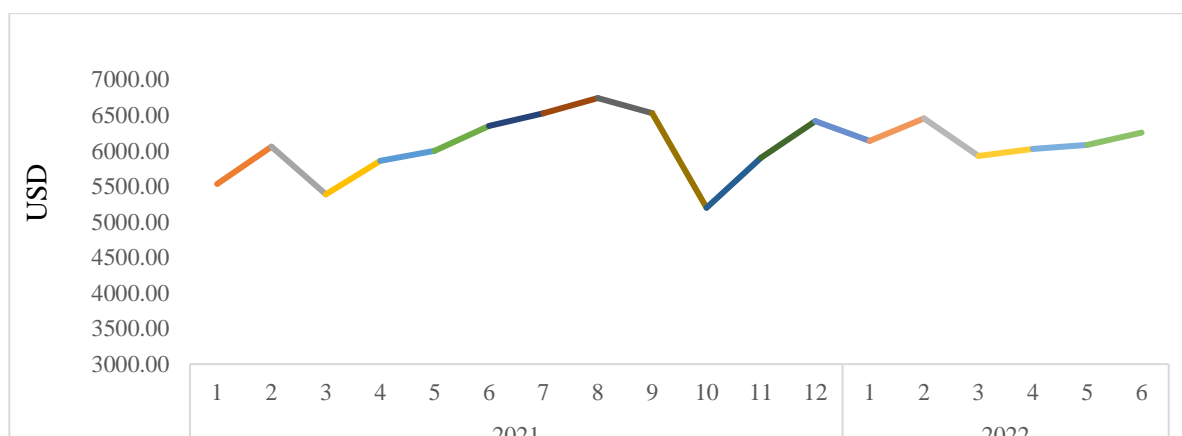
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu hạt điều sang thị trường này chủ yếu là hạt điều tươi chưa bóc vỏ chiếm tới 98,9%, đạt 69 triệu USD, giảm 19,1% so với cùng kỳ năm trước nhưng tăng 21,6% so với tháng trước. Giá trị xuất khẩu hạt điều rang tháng này chỉ chiếm 1,1%, đạt 0,8 triệu USD, tăng 40,3% so với cùng kỳ năm trước và 17,7% so với tháng trước.

Hình 15: Cơ cấu xuất khẩu sản phẩm điều sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 6/2022, giá xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 6.256 USD/tấn, giảm 1,5% so với cùng kỳ năm trước nhưng tăng 2,8% so với tháng trước.

Hình 16: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 6/2022 đạt trung bình là 6,3 USD/kg, tăng 0,6% so với tháng trước. Đối với hạt điều rang đạt trung bình đạt 9,1 USD/kg tăng 16,6% so với tháng trước, nhưng giảm 52,7% so với cùng kỳ năm trước.

6. THỦY SẢN

Theo báo cáo “Nuôi trồng thủy sản hữu cơ ở Châu Âu”, nuôi trồng thủy sản hữu cơ đang chiếm tỉ trọng ít hơn trong tổng sản lượng thủy sản của Liên Minh châu Âu so với năm 2015. Nguyên nhân là do một loạt các vấn đề trong ngành từ chi phí

sản xuất đến những khó khăn gặp phải. Theo EUMOFA, trở ngại lớn trong việc gia tăng sản lượng cá hữu cơ nuôi trồng ở Châu Âu là chi phí gia tăng và khó khăn trong việc tuân thủ quy định.

Theo tính toán từ số liệu của Eurostat, nhập khẩu thủy sản của Hà Lan trong 3 tháng đầu năm 2022 đạt 246,9 nghìn tấn, trị giá 1,14 tỷ EUR (tương đương 1,17 tỷ USD), giảm 11% về lượng, nhưng tăng 17,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong 3 tháng đầu năm 2022, Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 3 cho Hà Lan sau Băng Đảo và Na Uy. Trong đó, nhập khẩu thủy sản của Hà Lan từ 2 thị trường cung cấp lớn nhất là Băng Đảo và Na Uy giảm; trong khi nhập khẩu từ Việt Nam, Nga, Ấn Độ, Quần đảo Faroe tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần thủy sản Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hà Lan tăng từ 4,5% về lượng và 4,9% về trị giá trong 3 tháng đầu năm 2021 lên 5,8% về lượng và 6,4% về trị giá trong 3 tháng đầu năm 2022.

Theo Tổng cục Hải quan, tính hết 6 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 683 triệu USD, tăng 41,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 6/2022, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU đạt 126,01 triệu USD, tăng 32,3% so cùng kỳ năm 2021, và giảm 9% so với tháng 5/2022. Tôm và cá da trơn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này. Giá trị xuất khẩu sản phẩm tôm chiếm 58,9% và cá da trơn chiếm 17,3%.

Hình 17: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU tháng 6/2022

ĐVT: Triệu USD

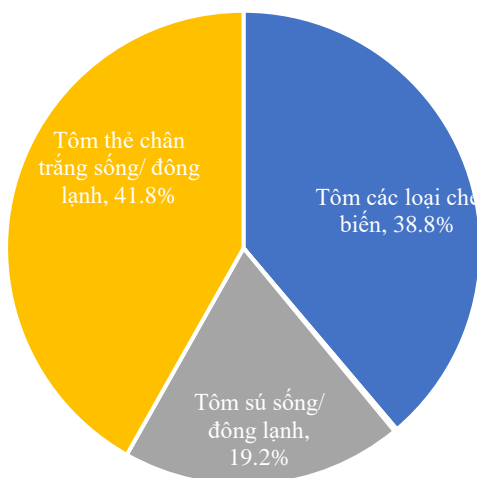


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 6/2022 đạt 74,3 triệu USD, tăng 38,6% so với cùng kỳ năm 2021, và giảm 4,2% so với tháng 5/2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 31,1 triệu USD, tăng 21,8% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến các loại đạt

28,8 triệu USD; tăng 50,4%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 14,2 triệu USD, tăng 81,2%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,1 triệu USD, giảm 86,3%.

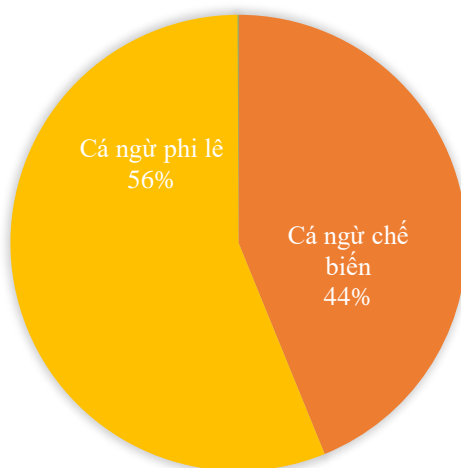
Hình 18: Cơ cấu sản phẩm tôm xuất khẩu sang thị trường EU tháng 6/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 6/2022, giá trị xuất khẩu sản phẩm cá ngừ tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm trước, đạt 9 triệu USD, giảm 23% so với cùng kỳ năm trước và giảm 34,1 % so với tháng 5/2022. Trong đó, cá ngừ phi lê đạt 5,1 triệu USD, tăng 29% so với tháng 6/2021; cá ngừ chế biến đạt 4 triệu USD, giảm 48,9%.

Hình 19: Cơ cấu sản phẩm cá ngừ xuất khẩu sang thị trường EU tháng 6/2022

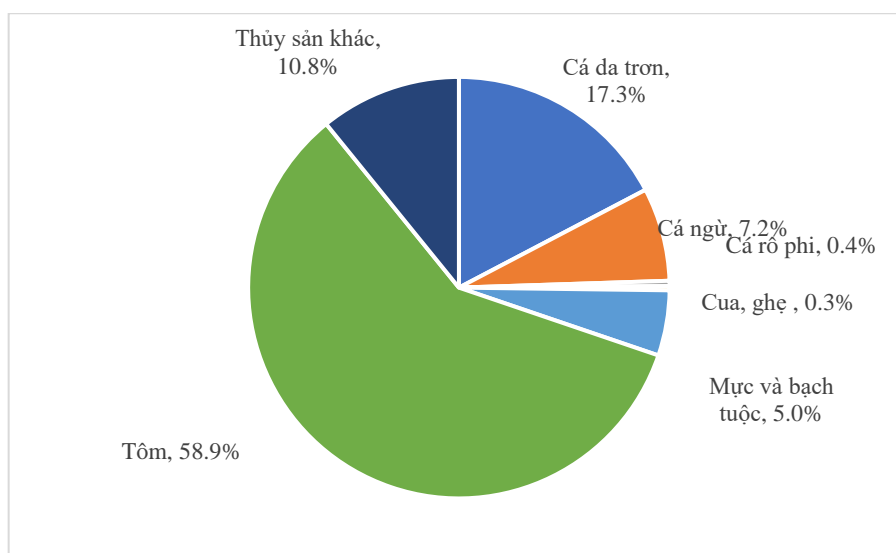


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản khác sang thị trường EU tháng 6/2022 như sau: cá da trơn đạt 21,8 triệu USD, chiếm 17,3% tổng giá trị thủy sản

xuất khẩu sang thị trường này, tăng 107,5% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc 6,3 triệu USD, chiếm 5%, tăng 27,4%; cá rô phi đạt 0,5 triệu USD, chiếm 0,4%, tăng 14,3%; cua-ghe đạt 047 triệu USD, chiếm 0,3%, tăng 193,6% và thủy sản khác đạt 13,7 triệu USD, chiếm 10,8%, giảm 1,8%.

Hình 20: Cơ cấu một số sản phẩm thủy sản khẩu sang thị trường EU tháng 6/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân một số mặt hàng xuất khẩu thủy sản sang thị trường này trong tháng 6/2022 như sau: Tôm đạt 9,7 USD/kg, tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2021; Cá da trơn đạt 3,4 USD/kg, tăng 54,8%.

Bảng 1: Giá xuất khẩu một số loại thủy sản sang thị trường EU tháng 6/2022

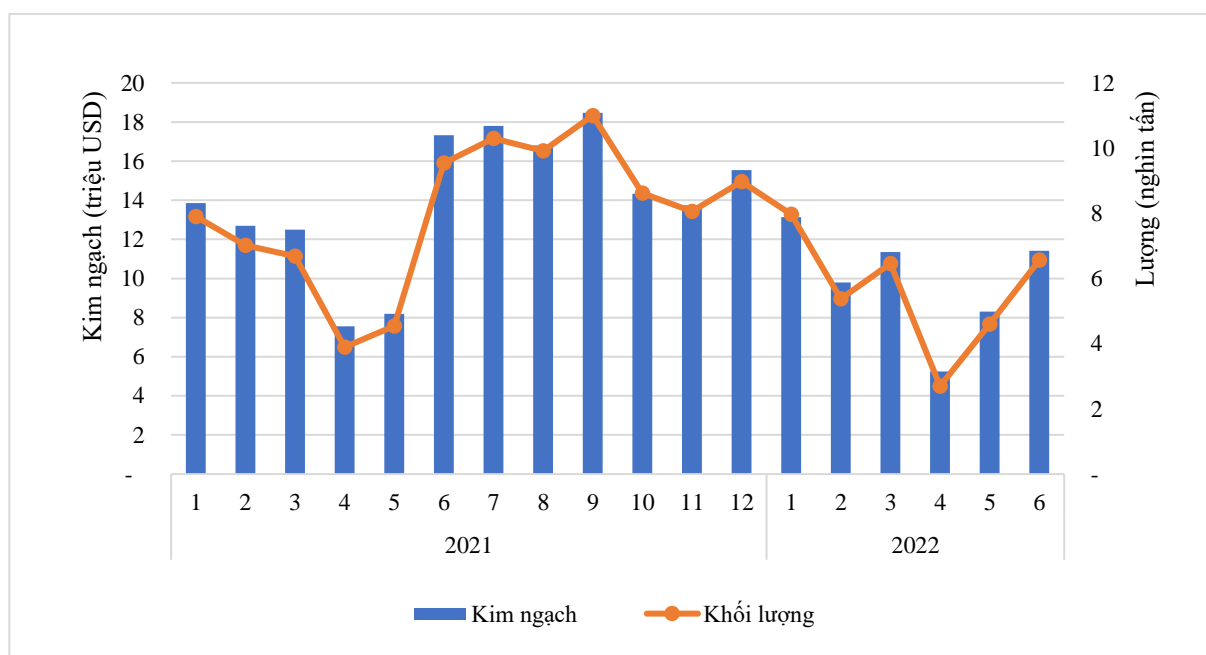
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	3,4	54,8%	8,2%
2	Cá ngừ	10,1	27,2%	-0,9%
3	Cá rô phi	2,7	37,9%	-8,2%
4	Cua, ghẹ	4,5	-23,8%	-51,1%
5	Mực và bạch tuộc	7,8	28,5%	19,0%
6	Tôm	9,7	10,8%	-2,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

7. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 06/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường EU ước đạt 6,6 nghìn tấn với trị giá 11,4 triệu USD, tăng 42,6% về khối lượng và 37,4% về giá trị so với tháng trước, và giảm 31,2% về khối lượng và 34,1% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

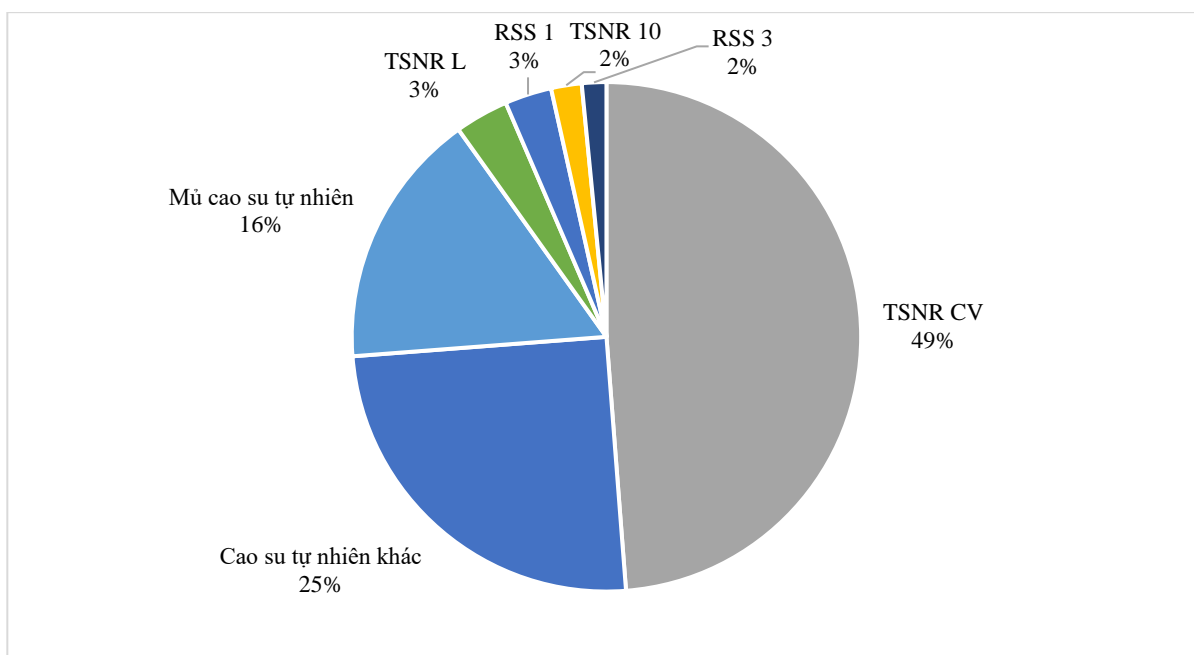
Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2022, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 5,9 triệu USD, chiếm 48,8% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là mủ cao su tự nhiên với kim ngạch 2 triệu USD, chiếm 16,3% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR L và RSS 1 chiếm lần lượt 3,4% và 3,0% tổng giá trị xuất khẩu. Cuối cùng là TSNR 10 và RSS 3 chiếm lần lượt 1,9% và 1,6% tổng giá trị xuất khẩu sang EU.

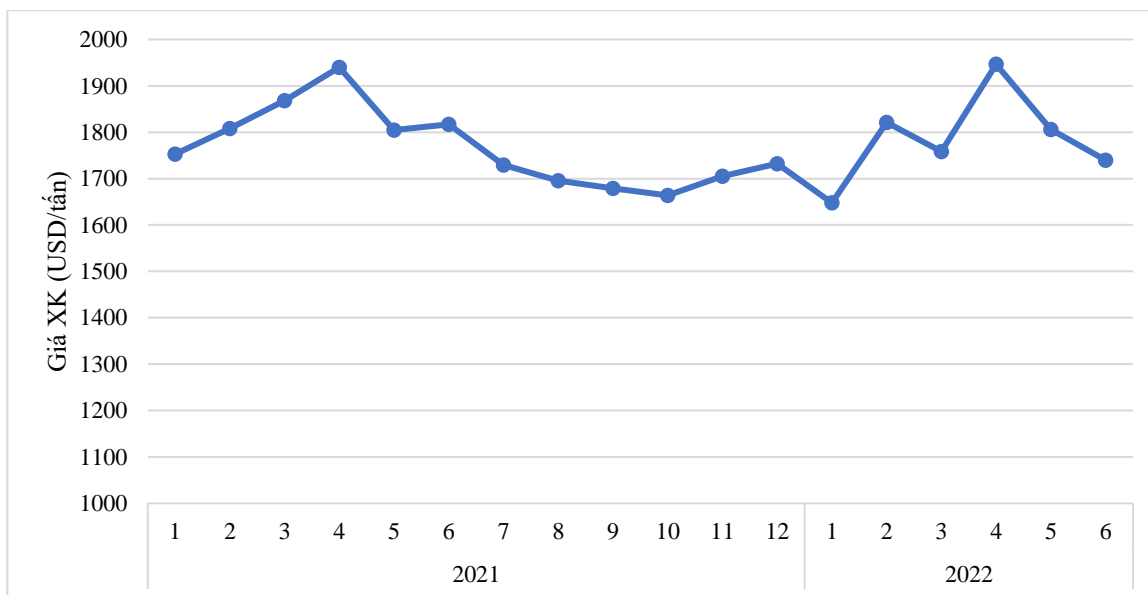
Hình 22: Chứng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 06/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường EU đạt mức 1.740 USD/tấn trong tháng 06/2022, giảm 3,7% so với tháng trước và giảm 4,2% so với cùng kỳ 2021.

Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường EU

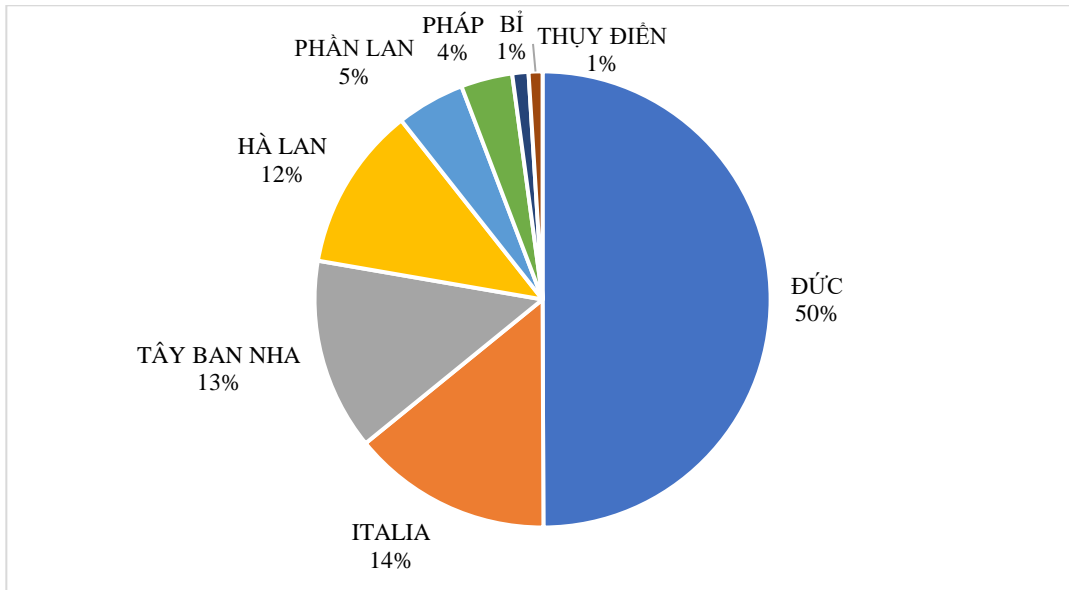


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2022, Đức là quốc gia nhập khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam với 5,7 triệu USD, chiếm 49,9% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường EU. Italia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 1,62 triệu USD,

chiếm 14,2%. Tiếp theo là Tây Ban Nha, Hà Lan và Phần Lan chiếm lần lượt 13,6%, 11,6% và 4,8% trong tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU.

Hình 24: Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường EU

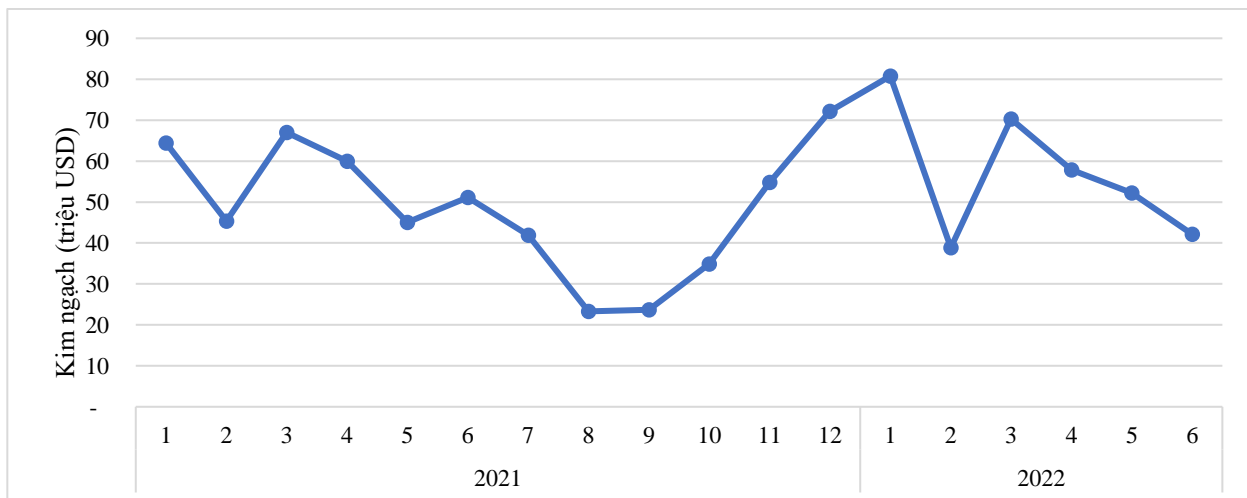


Nguồn: Tổng cục Hải quan

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 06/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU ước đạt 42,1 triệu USD, giảm 19,4% so với tháng trước và giảm 17,6% so với cùng kỳ 2021.

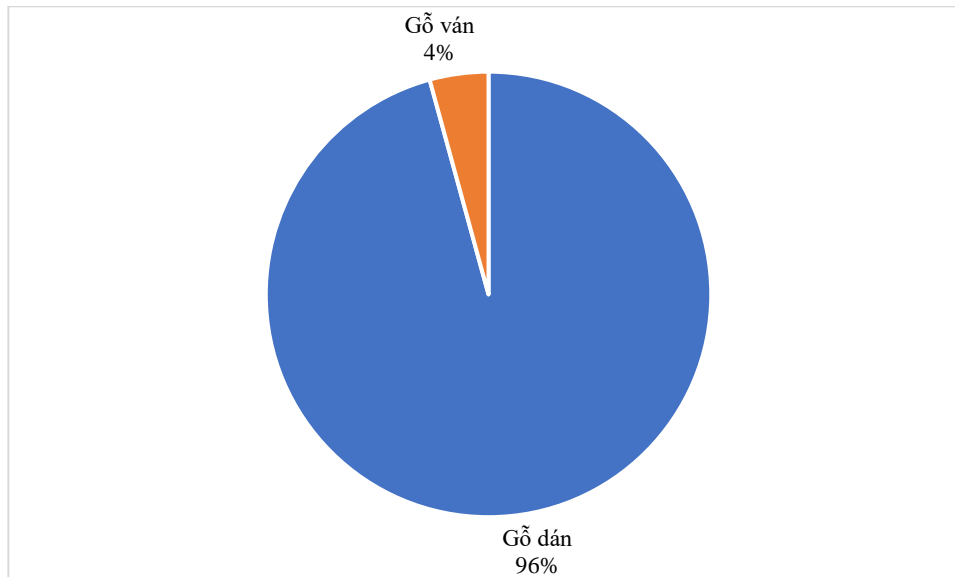
Hình 25: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 06/2022, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 3,1 triệu USD, chiếm 95,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ ván với kim ngạch 136,9 nghìn USD, chiếm 4,3% tổng giá trị xuất khẩu.

Hình 26: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 06/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Trong tháng 7/2022, Italy đã ban bố tình trạng khẩn cấp vì hạn hán tại 5 khu vực của nước này là Emilia-Romagna, Friuli Venezia Giulia, Lombardy, Piedmont và Veneto, do thiếu mưa và nhiệt độ tăng cao. Đây được coi là tình trạng khủng hoảng nước nghiêm trọng nhất trong vòng 70 năm qua. Miền Bắc nước Ý cũng là khu vực gieo trồng lúa chính của nước này (90% diện tích trồng lúa của Ý tập trung ở Lombardy và Piedmont). Ước tính tình trạng hạn hán có thể làm giảm 30% sản lượng lúa gạo của Ý năm nay.

2. Rau quả

Hệ thống thông báo An toàn thực phẩm và Thức ăn chăn nuôi của Liên minh châu Âu (EU) vừa gửi thông báo cho biết, sản phẩm lá mướp đắng xay, đông lạnh của Công ty TNHH An Vạn Thịnh (tỉnh Lâm Đồng) bị phát hiện vi phạm mức dư lượng tối đa cho phép (MRL) của nhiều hoạt chất và chất cấm. Trong đó, một số hoạt chất có mức tồn dư cao như: Thiamethoxam (54 mg/kg); Tebuconazole (26 mg/kg); Propiconazole (34 mg/kg); Diniconazole (86 mg/kg). Ngoài sản phẩm lá mướp đắng xay, đông lạnh, Việt Nam còn bị cảnh báo ở mặt hàng trà ướp xuất khẩu qua Hồng Kông. Sản phẩm này có 3 chất cấm, dư lượng thuốc trừ sâu vượt quy định của EU gồm: Chlorfluazuron (0,11 mg/kg); Imidacloprid (0,15 mg/kg) và Chlorpyrifos (0,043 mg/kg).

Theo lãnh đạo Văn phòng SPS Việt Nam, nếu doanh nghiệp xác định xuất khẩu nông sản thực phẩm sang thị trường EU, doanh nghiệp trong nước phải chuẩn hóa vùng nguyên liệu, tuân thủ, giám sát chặt chẽ quy trình sản xuất, đảm bảo thời gian thu hoạch, các công đoạn chế biến theo đúng khuyến cáo của cơ quan quản lý. Việc doanh nghiệp vi phạm quy định của EU sẽ ảnh hưởng đến nỗ lực tháo gỡ tận suất kiểm tra sản phẩm nông sản có nguồn gốc thực vật của Việt Nam vào EU, vì một doanh nghiệp bị vi phạm sẽ ảnh hưởng đến tất cả doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng đó sang EU. Trong trường hợp sản phẩm có nguy cơ nhiễm hoặc vượt mức dư lượng, khuyến nghị doanh nghiệp phải lập tức rà soát, kiểm tra một cách kỹ càng. Bên cạnh đó, việc thu mua sản phẩm từ nông dân, thương lái cũng cần được ghi chép, theo dõi sát sao quy trình canh tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu của quốc gia nhập khẩu.

3. Cà phê

Do lạm phát, người dân châu Âu đang có xu thế ưu tiên cho các hàng hóa thiết yếu, cắt giảm tiêu dùng đối với những sản phẩm không thiết yếu. Vì vậy, dự báo nhu cầu tiêu dùng cà phê trên thế giới sẽ giảm trong ngắn hạn vài tháng tới.

4. Hồ tiêu

Theo Bộ Công Thương, Sri Lanka đang bị vỡ nợ, gặp nhiều khó khăn trong sản xuất nông nghiệp, nhưng Sri Lanka sẽ đẩy mạnh xuất khẩu tiêu kể cả lượng hàng tồn, và giá thành có thể cạnh tranh hơn các nước khác. Tình trạng tắc nghẽn cảng ở châu Âu là vấn đề chính dẫn đến sự trì hoãn các lịch trình vận tải. Thiếu chỗ và container vẫn còn căng thẳng, đặc biệt các nước xuất khẩu ở Đông Nam Á.

5. Hạt điều

Theo Ông Vũ Anh Sơn, Tham tán Thương mại Việt Nam tại Pháp, từ năm 2016-2020 lượng tiêu dùng và nhập khẩu hạt điều của Pháp ổn định, tăng 8% về giá trị và 10% về lượng. Lượng lớn hạt điều nhập khẩu vào Pháp là từ Việt Nam. Lượng hạt điều của Việt Nam nhập khẩu vào Pháp qua nước thứ 3 như Hà Lan cũng không hề nhỏ. Tuy nhiên, 2 năm 2019- 2020, thị phần hạt điều của Việt Nam tại Pháp đã giảm từ 61% xuống 46%. Nguyên nhân được ông Vũ Anh Sơn lý giải là do tính cạnh tranh của hạt điều Việt Nam chưa mạnh. Tại các siêu thị, đại siêu thị của Pháp chưa có sản phẩm hạt điều mang thương hiệu Việt Nam. Đa phần doanh nghiệp mới chỉ tập trung bán sỉ mà chưa quan tâm phát triển thương hiệu, gia tăng giá trị sản phẩm.

6. Thủy sản

Nhu cầu thủy hải sản tăng mạnh ở châu Âu là cơ hội lớn cho thủy hải sản Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu vừa được giá, có thể thắng lớn. Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU chiếm 11,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước.

Trong đó, những thị trường xuất khẩu lớn nhất trong khối EU là Hà Lan, Đức, Italia, Bỉ và Pháp. Đây là kết quả tương đối tích cực, nhất là trong bối cảnh kinh tế toàn cầu chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19, cước phí vận tải tăng lên mức cao kỷ lục trong khi xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU vẫn chưa được gỡ thẻ vàng IUU.

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, nhu cầu tại EU hồi phục sau dịch Covid -19, lạm phát thực phẩm cao, nên bất chấp những khó khăn như cước vận tải biển tăng vọt, chi phí container cao, các doanh nghiệp Việt Nam tranh thủ đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này.

7. Cao su

Những tháng cuối năm, thị trường xuất khẩu sang EU sẽ khó khăn hơn do sức mua giảm và giá nhiên liệu, nguyên liệu, dịch vụ logistics, chi phí lao động tăng. Trong đó, giá nguyên liệu cao su tổng hợp đã tăng 30%, đồng thời một số nguồn cung cấp nguyên liệu cũng bị đứt gãy.

Hiện nay, nhu cầu tiêu thụ cao su thiên nhiên vẫn còn rất lớn. Hiệp hội cao su Việt Nam nhận định, tiêu thụ cao su trên thế giới đang có nhiều thay đổi. Các quy định về tính hợp pháp và bền vững đối với nguồn cao su nguyên liệu đầu vào tạo sản phẩm ngày càng chặt chẽ đặc biệt là các nước Châu Âu.

8. Gỗ và SP từ gỗ

Dù dịch bệnh Covid-19 đã đỡ căng thẳng, nhưng do tình trạng lạm phát tăng cao tại nhiều thị trường, khiến người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu. Người tiêu dùng ở các nước EU đang tập trung nhu cầu chi tiêu cho lương thực, thực phẩm và những đồ dùng thiết yếu, do đó đồ gỗ không được coi là đồ dùng thiết yếu nên bị nhiều người cắt giảm chi tiêu mua vào thời điểm này.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu Nông Lâm Thủy sản sang thị trường EU tháng 6/2022

STT	Sản phẩm	Tháng 6/2022 (USD)	Tăng/giảm so tháng trước	Tăng/giảm so cùng kỳ năm 2021	Tỷ trọng
1	Cà phê	117.210.552	2,1%	43,6%	27.8%
2	Cao su	11.415.441	37,4%	-34,1%	2.7%
3	Chè	64.560	-27,3%	-44,0%	0.02%
4	Gạo	4.510.139	-55,7%	17,7%	1.1%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	42.147.686	-19,4%	-17,6%	10.0%
6	Hàng rau quả	19.816.105	8,6%	3,2%	4.7%
7	Hàng thủy sản	126.008.889	-9,0%	32,3%	29.9%
8	Hạt điều	62.487.377	22,5%	-20,3%	14.8%
9	Hạt tiêu	14.444.512	-6,2%	3,0%	3.4%
10	Sản phẩm mây tre đan	14.234.117	-17,1%	-36,7%	3.4%
11	Sản phẩm từ cao su	9.705.664	-21,9%	-33,3%	2.3%
Tổng 11 mặt hàng chính		422.045.042	-3.7%	6,0%	100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang EU tháng 6/2022

TT	Loại sản phẩm	Tháng 6/2021		Tháng 6/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	3.796	2.595.168	3.859	2.663.219	1,7%	2,6%
2	Gạo Japonica	933	601.762	1.623	1.406.340	74,0%	133,7%
3	Các loại gạo khác	752	636.377	606	440.580	-19,4%	-30,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang EU tháng 6/2022

TT	Sản phẩm	Tháng 6/2021	Tháng 6/2022	So sánh
		(USD)	(USD)	T6.2022/T6.2021
	Tổng giá trị XK	19.208.430	19.816.105	3,2%
1	Chanh leo	4.170.223	7.655.360	83,6%
2	Xoài	2.390.215	2.675.757	11,9%
3	Dừa	1.500.330	1.152.778	-23,2%
4	Chanh	1.504.529	1.152.191	-23,4%
5	Dứa	1.059.227	1.093.594	3,2%
6	Thanh long	1.336.730	737.453	-44,8%
7	Khác	7.247.176	5.348.973	-26,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường EU tháng 6/2022

Loại sản phẩm	Tháng 6/2022	Tháng 6/2021	So sánh
	(USD)	(USD)	2022/21 (%)
Cá da trơn	21.816.609,0	10.513.148,2	107,5%
Cá nư	9.029.135,0	11.728.439,3	-23,0%
Cá rô phi	506.563,2	443.181,1	14,3%
Cua, ghe	405.904,3	138.241,4	193,6%
Mực và bạch tuộc	6.314.406,1	4.957.427,6	27,4%
Tôm	74.269.384,1	53.568.842,8	38,6%
Thủy sản khác	13.666.887,5	13.922.207,4	-1,8%
Tổng	126.008.889,1	95.271.487,8	32,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm cà phê sang thị trường EU tháng 6/2022

Mặt hàng	Tháng 6/2021 (USD)	Tháng 6/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	71.493.225	110.978.478	55,23%
Chưa rang đã khử cafein	3.913.464	5.952.488	52,10%
Cà phê tan	5.453.911	4.034.144	-26,03%
Đã rang chưa khử cafein	189.168	40.793	-78,44%
Đã rang đã khử cafein	91.359	67.632	-25,97%
Khác	87.770	66.554	-24,17%
Tổng	81.228.898	121.140.090	49,13%

Nguồn: Tổng cục Hải quan